

## THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH DƯƠNG GIAI ĐOẠN 2001 – 2011

PHẠM THỊ XUÂN THỌ\*, NGUYỄN TRÍ\*\*

### TÓM TẮT

*Công nghiệp tỉnh Bình Dương trong những năm gần đây đã đạt tốc độ tăng trưởng nhanh, chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ đang diễn ra mạnh mẽ theo xu hướng tích cực. Tuy nhiên, chất lượng phát triển công nghiệp của Tỉnh chưa cao; vì vậy, việc đánh giá những thành tựu và hạn chế của quá trình phát triển công nghiệp để đưa ra những giải pháp hợp lý nhằm thúc đẩy công nghiệp Bình Dương phát triển nhanh mạnh, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cần thiết.*

**Từ khóa:** phát triển công nghiệp, tăng trưởng công nghiệp, phân bố công nghiệp hợp lý, tỉnh Bình Dương.

### ABSTRACT

#### *Binh Duong province industrial development status from 2001 to 2011*

*In recent years, Binh Duong's industry development has achieved rapid growth. The economic structural transformation by sectors, by ownerships, and by territories occurred strongly in positive trend. However, Binh Duong's industry is still having some limitations, and Binh Duong's development quality is not yet good. Therefore, the evaluation of the achievements and limitations in the industrial development process is to find out the reasonable solutions which aim to promote Binh Duong's industrial development quickly and strongly, and also to meet the requirements of the modernization and industrialization stage.*

**Keywords:** industrial development, industrial growth, reasonable industrial distribution, Binh Duong province.

### 1. Đặt vấn đề

Công nghiệp (CN) tỉnh Bình Dương có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng trong thời gian gần đây, giúp Bình Dương trở thành một trong những tỉnh, thành dẫn đầu cả nước về tốc độ phát triển kinh tế. Bình Dương đạt được những thành tựu đáng khích lệ là nhờ sự năng động, sáng tạo và tư duy đổi mới, tạo nên sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, tỉ trọng ngành CN của tỉnh

tăng từ 59,3% năm 2001 lên 62,8% năm 2011. Tuy nhiên, về cơ bản, CN Bình Dương phát triển chủ yếu theo chiều rộng, giá trị gia tăng thấp, sự phát triển và phân bố CN còn mất cân đối giữa các vùng trong tỉnh. Vì vậy, cần nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng các nguồn lực phát triển CN nhằm phát huy những thành tựu, đồng thời khắc phục khó khăn, tồn tại để CN tỉnh Bình Dương phát triển có hiệu quả ngày càng cao cả về kinh tế, xã hội

\* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: ptxtho@gmail.com

\*\* ThS, Trường THPT Dầu Tiếng, Bình Dương

và môi trường.

## 2. Thực trạng phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương

Trong những năm gần đây, CN tỉnh Bình Dương đã thu hút mạnh vốn đầu tư trong và ngoài nước, nên đạt được nhiều thành quả đáng kể.

### 2.1. Về sản xuất CN

Giá trị sản xuất CN (GTSXCN) từ năm 2001 đến năm 2011 tăng liên tục, từ 12.347,5 tỉ đồng lên 123.201,0 tỉ đồng, gấp 9,9 lần so với năm 2001 (xem bảng 1).

Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất CN Bình Dương giai đoạn 2001 – 2011 là 25,9 %, cao hơn so với tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất CN của toàn vùng (21,1%), cao hơn Thành phố Hồ Chí Minh (20,16%), Bà Rịa – Vũng Tàu (5,99%). Nhưng tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất CN của Bình Dương lại thấp hơn Bình Phước (46,8%) và Tây Ninh (31,2%).

### 2.2. Về tốc độ tăng trưởng CN

Các ngành CN tỉnh Bình Dương có tốc độ tăng trưởng khác nhau (xem bảng 1).

**Bảng 1.** Giá trị sản xuất và tốc độ tăng trưởng GTSXCN tỉnh Bình Dương theo ngành giai đoạn 2001 - 2011

Đơn vị: Tỉ đồng; %

Năm		2001	2005	2011	% tăng trưởng giai đoạn 2001 – 2011
		Tỉ đồng	12.347,5	42.577,8	
Tổng GTSXCN	%	100%	344,8%	997,8%	25,9
	Tỉ đồng	207,4	384,9	1.063,8	
Công nghiệp khai thác	%	100 %	185,6 %	512,9 %	18,0
	Tỉ đồng	12.038,1	42.077,7	121.910	
Công nghiệp chế biến	%	100 %	349,5 %	1012,7 %	26,0
	Tỉ đồng	102	115,1	227,6	
CN sản xuất & phân phối điện, khí đốt, nước	%	100 %	112,8 %	223,1%	8,3

Nguồn: [1]

Ngành CN chế biến có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, tăng 1.012,7% trong 10 năm từ 2001 đến năm 2011. Trong khi CN khai thác tăng 512,9%, CN sản xuất & phân phối điện, khí đốt, nước tăng chậm nhất: chỉ 223,1% trong cùng kì. Vì vậy, ngành CN chế biến có tỉ trọng cao và tăng lên, năm 2011: chiếm 99,10% giá trị sản xuất của ngành CN. Sau đó là

ngành CN khai thác chiếm 0,77% và ngành CN sản xuất phân phối điện, khí đốt và nước chỉ chiếm 0,13%.

### 2.3. Về GTSXCN theo thành phần kinh tế

GTSXCN theo thành phần kinh tế có sự tăng trưởng nhanh ở cả ba khu vực, nhưng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất từ năm

2001 đến năm 2011 tăng 1180,5%, tiếp đến là khu vực ngoài nhà nước tăng 959,2%, khu vực nhà nước có tốc độ tăng trưởng chậm nhất đạt 185,5% (xem bảng 2).

Tỉ trọng GTSXCN khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2001 – 2011 tăng 10,42%, từ 56,92% năm 2001 lên 67,34% năm 2011. Khu vực ngoài nhà nước giảm tỉ trọng từ 31,79% năm 2001 xuống 30,56% năm 2011, giảm 1,23%; khu vực nhà nước giảm tỉ trọng

từ 11,29% năm 2001 xuống 2,10% năm 2011, giảm 9,19% trong cùng kì.

Trong cơ cấu GTSXCN theo thành phần kinh tế thì khu vực có vốn đầu tư nước ngoài luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất, khu vực kinh tế nhà nước chiếm tỉ trọng thấp nhất. Như vậy, nhân tố thúc đẩy tăng trưởng giá trị sản xuất CN của tỉnh Bình Dương chủ yếu nhờ thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

**Bảng 2.** Cơ cấu GTSXCN tỉnh Bình Dương theo thành phần kinh tế giai đoạn 2001 - 2011

Đơn vị: %

Năm	2001	2005	2010	2011
<b>Tổng số</b> (tỉ đồng)	<b>12.347,5</b>	<b>42.577,8</b>	<b>104.621,7</b>	<b>123.201,4</b>
<b>Cơ cấu</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
Khu vực nhà nước	11,29	4,78	2,32	2,10
Khu vực ngoài nhà nước	31,79	24,74	30,10	30,56
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	56,92	70,48	67,58	67,34

Nguồn: [1]

#### 2.4. Về phát triển sản xuất CN theo huyện, thị

CN tỉnh Bình Dương có sự phân hóa mạnh mẽ theo lãnh thổ (xem bảng 3). CN tập trung phát triển mạnh nhất ở thị xã Dĩ An, Thuận An và thành phố Thủ Dầu Một, ba địa phương này chiếm tới 87,8% GTSXCN toàn tỉnh. Trong khi các huyện phía Bắc tỉnh chỉ chiếm 12,2% GTSXCN của tỉnh năm 2001.

Như vậy, bức tranh phân bố CN tỉnh Bình Dương thể hiện sự phát triển không đồng đều giữa các địa phương trong tỉnh. CN tập trung chủ yếu ở phía Nam tỉnh Bình Dương cả về GTSXCN và số cơ sở SXCN, trong đó số cơ sở SXCN

ở khu vực này chiếm 63,1% năm 2011 (4971/7877 cơ sở). Các huyện, thị phía Nam có cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng phát triển, thu hút mạnh vốn đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời các huyện thị phía Nam cũng tập trung dân cư nguồn lao động đông đúc, gần Thành phố Hồ Chí Minh - trung tâm CN lớn nhất nước ta... Trong khi đó, CN ở các huyện phía Bắc phát triển còn khiêm tốn, số cơ sở SXCN đạt 36,9% (2906/7877 cơ sở năm 2011). Điều này cho thấy sự bất cập trong việc phát triển chưa đồng bộ về cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng và thu hút vốn đầu tư giữa các vùng trong tỉnh.

Vì vậy, chính sách của tỉnh đã và đang tiếp tục tăng cường phát triển CN lên các huyện phía Bắc, như đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật, nguồn vốn và các chính sách ưu đãi khác [2]. Nhờ đó, giá trị sản xuất và tốc độ tăng trưởng CN của các huyện phía Bắc đang ngày càng tăng cao: huyện Bến Cát, huyện Tân Uyên, trung bình trên 35%/năm. Huyện Dầu Tiếng và Phú Giáo có tốc độ tăng trưởng GTSXCN thấp

nhất. Đến năm 2011, tỉ trọng CN các huyện phía Bắc tỉnh Bình Dương đã tăng lên 24,19%.

Tốc độ tăng trưởng nhanh về GTSXCN của các huyện phía Bắc thể hiện việc thực hiện đường lối, chính sách phát triển CN của tỉnh, đó là nhằm tận dụng tối đa nội lực, khai thác tốt các nguồn lực tự nhiên, kinh tế - xã hội cũng như tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động.

**Bảng 3.** GTSXCN tỉnh Bình Dương theo lãnh thổ giai đoạn 2001 - 2011

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	2001	2005	2011	% tăng trưởng giai đoạn 2001 – 2011
Thành phố Thủ Dầu Một	1.226	1.946,6	7.896,1	20,5
Dầu Tiếng	364,1	439,4	458	2,3
Bến Cát	514,5	2.939,2	18.551,3	43,1
Phú Giáo	174	295,9	517,8	11,5
Tân Uyên	446,3	2.846,2	10.275,3	36,8
Thị xã Dĩ An	4.484,8	14.858,9	33.612,7	22,3
Thị xã Thuận An	5.137,8	19.251,6	51.890,2	26,0
<b>Tổng</b>	<b>12.347,5</b>	<b>42.577,8</b>	<b>123.201,4</b>	

Nguồn: [1]

### 2.5. Về cơ cấu sản phẩm CN

Tỉ trọng sản phẩm các ngành CN của tỉnh đã có sự chuyển biến tích cực, giai đoạn đầu tập trung sản xuất các loại sản phẩm thâm dụng lao động, dựa vào nguyên liệu và nhân công tại chỗ là chính, như: chế biến hạt điều, sản xuất dứa tre, tinh bột mì...

Những năm gần đây, các loại sản phẩm CN ngày càng phong phú, đa dạng, tăng tỉ trọng sản phẩm có hàm lượng

khoa học kỹ thuật cao, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng, đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế cao, như: các sản phẩm hóa chất, máy móc thiết bị, dụng cụ y tế, da giày, linh kiện điện tử, cao su và plastic...

Trong cơ cấu giá trị sản xuất theo sản phẩm CN, tỉ trọng các sản phẩm CN chế biến có xu hướng tăng lên, từ 97,73% năm 1997 lên 99,1% năm 2011. Tỉ trọng sản phẩm của ngành CN khai thác có xu

hướng giảm, từ 2,22% năm 1997 xuống còn 0,77% năm 2011. Tỷ trọng các sản phẩm của ngành CN sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước có xu hướng tăng lên nhưng tăng không đáng kể, từ 0,05% năm 1997 lên đến 0,13% năm 2011.

Trong CN chế biến có 16 mặt hàng luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu sản phẩm CN, đây là những sản phẩm CN chủ lực của tỉnh, bao gồm: thực phẩm và đồ uống; giường, tủ, bàn ghế; sản phẩm da và giả da; hóa chất; dệt may; sản phẩm khoáng phi kim loại; kim loại; sản phẩm cao su và plastic; sản phẩm từ kim loại; thiết bị điện tử; xe có động cơ; giấy và sản phẩm từ giấy; máy móc thiết bị, radio, ti vi, thiết bị truyền thông; phương tiện vận tải và sản phẩm đồ gỗ, lâm sản.

Tuy nhiên, trong cơ cấu GTSXCN

theo nội bộ ngành, thì tỷ trọng các ngành CN truyền thống thâm dụng nhiều lao động, chiếm 49,68% năm 2001 và 44,47% năm 2011 (bao gồm các ngành: thực phẩm và đồ uống; sản phẩm dệt; sản phẩm bằng da, giả da; sản phẩm gỗ và lâm sản; giấy và các sản phẩm bằng giấy; giường, tủ, bàn ghế). Điều này cho thấy, CN tỉnh Bình Dương trong những năm qua, các ngành có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao vẫn còn thấp.

## 2.6. Về kim ngạch xuất khẩu CN

Kim ngạch xuất khẩu CN của tỉnh Bình Dương duy trì được mức tăng trưởng cao, bình quân giai đoạn 2001 – 2011 tăng trưởng 32,4%/năm, cao hơn mức tăng bình quân kim ngạch xuất khẩu của tỉnh (31,2%). Năm 2011, giá trị xuất khẩu CN đạt 9.592,4 triệu USD, tăng 16,5 lần so với năm 2001.

**Bảng 4. Kim ngạch xuất khẩu CN tỉnh Bình Dương giai đoạn 2001 – 2011**

Đơn vị: Triệu USD

Năm	2001	2005	2009	2011	% tăng trưởng giai đoạn 2001 – 2011
Kim ngạch xuất khẩu của tỉnh	684,4	3.045,8	6.714,5	10.342,2	31,2
Kim ngạch xuất khẩu	580,9	2.733,4	6.188,7	9.592,4	32,4
Tỷ trọng xuất khẩu CN trong giá trị xuất khẩu của tỉnh (%)	84,9	89,7	92,2	92,8	

Nguồn: [1]

Thị trường xuất khẩu chủ yếu của CN tỉnh Bình Dương là Mỹ, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kông, Trung Quốc, các thị trường này chiếm đến 65% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Năm 2011, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn

nhất, chiếm 27,3%, tiếp đến là Đài Loan chiếm 7,8% và Hàn Quốc chiếm 6,7%.

## 2.7. Về hiệu quả sản xuất CN

Hiệu quả sản xuất CN được thể hiện chủ yếu qua năng suất lao động và đóng góp vào ngân sách Nhà nước.

- *Năng suất lao động CN tăng nhanh*  
Năng suất lao động CN trên địa bàn tỉnh tăng nhanh, bình quân giai đoạn 2001 – 2011 đạt 9,3%. Trung bình một lao động CN sản xuất đạt 193,4 triệu đồng năm 2011.

- *Nộp ngân sách Nhà nước*

Thu ngân sách trên địa bàn liên tục tăng trong thời gian qua, bình quân giai đoạn 2001 - 2011 tăng 31,4%. Tổng thu ngân sách khoảng 1628 tỉ đồng năm 2001 đã tăng lên 22.500 tỉ đồng năm 2011. Nguồn thu ngân sách chủ yếu là các loại thuế từ các doanh nghiệp CN.

### **2.8. Về tình hình đầu tư vào CN**

Thời gian qua, vốn đầu tư là yếu tố quan trọng nhất đóng góp cho tăng trưởng CN trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước phân bổ vào CN liên tục tăng. Năm 1997 là 15.867 triệu đồng, đến năm 2011 tăng lên 642.201 triệu đồng, chiếm 16,8% trong tổng số vốn đầu tư. Năm 2012, vốn đầu tư phát triển ngành CN đạt 1046 triệu đô la Mỹ. Hầu hết các nhóm ngành CN đều đạt mức tăng trưởng vốn khá cao và đầu tư tập trung chủ yếu vào ngành CN chế biến.

### **2.9. Về trình độ công nghệ**

Theo kết quả điều tra, đánh giá trình độ công nghệ của sở Khoa học và Công nghệ ở 200 doanh nghiệp của 6 ngành: chế biến thực phẩm, may mặc, da giày, chế biến gỗ, cao su - plastic và điện - điện tử - thiết bị nghe nhìn, cho thấy có khoảng 20% doanh nghiệp có công nghệ tiên tiến, gần 50% công nghệ trung bình và khoảng 30% là lạc hậu. Như vậy, có thể đánh giá chung trình độ công nghệ

phát triển CN tỉnh Bình Dương chưa cao.

Sở Công thương tỉnh Bình Dương đã “phê duyệt quy hoạch phát triển CN tỉnh Bình Dương đến năm 2020”. Trong tương lai sẽ đầu tư theo chiều sâu, chú trọng đổi mới công nghệ, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng cường khả năng cạnh tranh của các sản phẩm CN. [2]

### **2.10. Về cơ sở sản xuất CN**

Từ năm 2001 đến năm 2011, số cơ sở sản xuất CN của tỉnh ngày càng tăng nhanh, từ 3608 cơ sở lên đến 7877 cơ sở, tăng gấp gần 2,2 lần so với năm 2001. Trong đó, phần lớn là cơ sở sản xuất thuộc nhóm ngành CN chế biến. Năm 2011 có 7825 cơ sở sản xuất CN chế biến, chiếm 99,3% số cơ sở sản xuất CN của tỉnh.

Số lượng cơ sở sản xuất CN phân theo địa bàn huyện, thị năm 2011 tập trung chủ yếu ở thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Thuận An, thị xã Dĩ An và huyện Tân Uyên với 6233 cơ sở, chiếm 79,6% tổng số cơ sở sản xuất CN trong tỉnh.

### **2.11. Về lực lượng lao động CN**

Với lợi thế vị trí địa lý gần với Thành phố Hồ Chí Minh, số cơ sở CN tăng nhanh, cùng với giá thuê nhà rẻ, khu CN Bình Dương đã thu hút lượng công nhân ngày càng nhiều.

Lao động CN của tỉnh tăng cao, giai đoạn 2001 – 2011, tăng từ 152.734 người lên 637.069 người (tăng 4,2 lần). Tỷ trọng lao động CN trong cơ cấu lao động của tỉnh cũng tăng lên. Nhưng giai đoạn 2007 – 2011, tỷ trọng lao động CN lại có xu hướng giảm dần từ 73,1% xuống 59,3% (giảm 13,8%).

Lao động CN Bình Dương chủ yếu là người ngoài tỉnh, lao động ngoài tỉnh ở các khu CN chiếm tới gần 88%. Vấn đề này đang gây nhiều khó khăn cho Bình Dương về ổn định đội ngũ lao động, gây sức ép về nhà ở và cơ sở hạ tầng xã hội, ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn.

### **3. Một số giải pháp phát triển và phân bố CN ở tỉnh Bình Dương**

Từ thực tiễn nêu trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp đối với việc phát triển và phân bố CN tỉnh Bình Dương như sau:

- *Về vốn*: Tăng thêm các khoản ngân sách hỗ trợ đầu tư vào các ngành CN trọng điểm của tỉnh, cho phép ban hành các cơ chế hấp dẫn (chủ yếu là thuế sử dụng đất, thuế thu nhập doanh nghiệp...) nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư. Đồng thời, cần xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào các ngành CN có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao.

- *Về công nghệ*: Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, tập trung đổi mới công nghệ và đưa nghiên cứu khoa học vào phục vụ sản xuất, trước hết là các ngành CN có thế mạnh. Tăng cường thu hút các dự án công nghệ cao, giảm các dự án CN có hàm lượng khoa học kỹ thuật thấp, thâm dụng lao động, gây ô nhiễm môi trường.

- *Về nguồn nhân lực*: Nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật. Cần tiếp tục đầu tư đồng bộ, nâng cấp một số trường dạy nghề hiện có, tiếp tục áp dụng chính sách thu hút nhân tài...

- *Về tổ chức lãnh thổ sản xuất CN*: Quy hoạch chi tiết các khu, cụm CN, dịch

vụ đô thị một cách phù hợp nhất. Nghiên cứu và lập quy hoạch các khu phân bố dân cư, nhà ở công nhân, dịch vụ công cộng, phục vụ cho phát triển khu, cụm CN. Tạo mối liên kết giữa các xí nghiệp CN trong tỉnh và tổ chức mối liên kết CN trong vùng, liên vùng.

Đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, đặc biệt là phát triển giao thông vận tải. Có những chính sách ưu đãi nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư, thu hút nguồn nhân lực để phát triển CN lên các huyện ở phía Bắc của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phân bố CN của tỉnh theo hướng hợp lý và hài hòa hơn.

- *Về môi trường*: Tiến hành đánh giá hiện trạng môi trường đối với toàn bộ các khu CN, các cơ sở sản xuất; di dời các cơ sở sản xuất ô nhiễm môi trường không thể khắc phục được ra khỏi các khu dân cư, thị xã và thị trấn.

### **4. Kết luận**

Ngành CN tỉnh Bình Dương đang phát triển mạnh mẽ, chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP, giữ vai trò chủ đạo, thúc đẩy các ngành khác phát triển, phát triển CN đã gắn với phát triển đô thị. Các ngành CN có hàm lượng kỹ thuật cao đã bắt đầu phát triển, chủ yếu trong các khu CN. GTSXCN ngày càng tăng lên đã hình thành một số ngành CN chủ lực chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu các ngành CN. Giá trị xuất khẩu của ngành CN chiếm giữ vị trí chủ đạo trong cơ cấu xuất khẩu của tỉnh. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là động lực chính trong quá trình phát triển CN của tỉnh Bình Dương.

Tuy nhiên sự phát triển CN còn bộc lộ một số hạn chế và đang phải đối mặt với những thách thức, như: giá trị gia tăng CN còn thấp, trình độ công nghệ chưa cao, lao động có trình độ chuyên môn cao còn thấp, chủ yếu là lao động ngoài tỉnh chưa được đào tạo cơ bản; tình trạng ô nhiễm môi trường do chậm xử lý chất thải CN (nước thải, khí thải, chất

thải rắn...) cũng như việc phát triển CN chưa hợp lý giữa các vùng.

Trong tương lai, CN tỉnh Bình Dương cần chú trọng phát triển các ngành có hàm lượng chất xám cao, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật cùng với các chính sách ưu đãi khác nhằm phân bố CN của tỉnh ngày càng hợp lý để đạt hiệu quả cao hơn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Bình Dương, *Niên giám Thống kê từ năm 2001 đến năm 2011*.
2. Sở Công thương tỉnh Bình Dương (2006), *Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020*.
3. Lê Thông (chủ biên), Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Minh Tuệ (2001), *Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, *Các Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh và phương hướng nhiệm vụ từ năm 2001 – đến năm 2011*.
5. <http://binhdương.gov.vn>
6. <http://sctbinhdương.gov.vn>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 23-7-2014; ngày phản biện đánh giá: 24-7-2014;  
ngày chấp nhận đăng: 15-4-2015)